TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/DSST
Ngày 28/8/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phượng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Xuân Trường.

2. Bà: Y Hồng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Công Phúc.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự số: 61/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Cẩm T, sinh năm 1979; Địa chỉ: thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Ngọc Th, xã Đăk X, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, nguyên đơn- chị Bùi Thị Cẩm T trình bày:

Vào ngày 28/02/2023 (Âm lịch), chị Trần Thị Th trú tại thôn Ngọc Th, xã Đăk X, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum có vay chị Bùi Thị Cẩm T số tiền là 124.000.000đ *(Một trăm hai mươi bốn triệu đồng)*. Đến ngày 07/3/2023 (Âm lịch), chị Trần Thị Th tiếp tục vay chị T ú số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng),* cả hai lần vay đều hẹn sau 10 ngày kể từ ngày vay sẽ trả, chị Th đều là người đã trực tiếp nhận tiền và hai bên có lập giấy mượn tiền, có chữ ký của chị Th phía dưới dòng chữ bên mượn. Mục đích vay tiền là để làm ăn. Cả hai lần vay tiền đôi bên đều không thỏa thuận tiền lãi suất phát sinh. Tổng cộng số tiền hai lần chị Th vay của chị T là 154.000.000đ *(Một trăm năm mươi bốn triệu đồng)*. Ngoài ra, chị T yêu cầu chị Th phải trả tiền lãi xuất phát sinh là 1.984.000đ *(Một triệu chín trăm tám mươi tư ngàn đồng)*.

Khi đến hạn trả tiền, chị T có đòi nhiều lần nhưng chị Th cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Chị Th cứ khất nhiều lần rồi sau đó bỏ nhà đi, không còn liên lạc được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T rút yêu cầu về việc buộc chị Th phải trả tiền lãi xuất phát sinh. Giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Th trả cho chị số số tiền gốc vay là 154.000.000đồng.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 25 tháng 8 năm 2023, chị Bùi Thị Cẩm T trình bày giữ nguyên yêu cầu buộc chị Trần Thị Thhải có trách nhiệm trả số tiền gốc vay ngày 28/02/2023 (Âm lịch) và ngày 07/3/2023 (Âm lịch), tổng cộng là 154.000.000đồng.

Đối với bị đơn - chị Trần Thị Th: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị Trần Thị Th luôn cố tình vắng mặt không có lý do không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không cung cấp tài liệu chứng cứ gì hay yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ. Vì thế, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật:

+ Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán và Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa

vụ quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 91, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòaán ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Đề nghị HĐXX:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phát sinh là 1.984.000đ *(Một triệu chín trăm tám mươi tư ngàn đồng)* đã được nguyên đơn- chị Bùi Thị Cẩm T rút yêu cầu.

2. Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm T về việc buộc chị Trần Thị Th trả số tiền gốc vay còn nợ là 154.000.000đ *(Một trăm năm mươi tư triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị Bùi Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Trần Thị Th không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Buộc chị Trần Thị Th phải chịu 7.700.000đồng *(Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Cẩm Tsố tiền án tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.899.000đ *(Ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002901 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Bùi Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị Trần Thị Th trả cho chị số tiền đã mượn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hai giấy mượn tiền đề ngày 28/02/2023 âm lịch (nhằm ngày19/3/2023 dương lịch) và ngày

07/3/2023 âm lịch (nhằm ngày 26/4/2023 dương lịch). Tòa án thụ lý đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Ngọc Th, xã Đăk X, huyện Ngọc Hồi, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Bùi Thị Cẩm T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn – chị Trần Thị Th dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung: Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Bùi Thị Cẩm T khẳng định, chị T và chị Th là bạn bè quen biết và chơi với nhau nhiều năm nay. Cả hai đều làm nghề buôn bán ngoài chợ. Vào ngày 28/02/2023 âm lịch (nhằm ngày 19/3/2023 dương lịch), chị Th hỏi chị T để vay (mượn) tiền với số tiền 124.000.000đồng, được chị T đồng ý. Khi vay tiền, đôi bên thỏa thuận sau 10 ngày sẽ trả, nhưng sau 10 ngày, chị Th không có tiền trả và chị Th nói gặp khó khăn cần tiền để làm ăn nên ngày 07/3/2023 âm lịch hỏi vay thêm chị Tú số tiền 30.000.000đồng và cũng hẹn sau 10 ngày sẽ trả toàn bộ số tiền vay. Cả hai lần vay tiền, đôi bên đều lập giấy mượn tiền và chị Th đều ký, ghi rõ họ tên phía dưới dòng chữ bên mượn.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 02 (hai) giấy mượn tiền bản viết tay, cụ thể: Giấy mượn tiền ghi ngày 28/02/2023 âm lịch và ngày 07/3/2023 âm lịch. Nội dung hai giấy mượn tiền này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn là chị Bùi Thị Cẩm T.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Việc chị Bùi Thị Cẩm T và chị Trần Thị Th ký kết vay mượn tiền vào ngày 28/02/2023 âm lịch và ngày 07/3/2023 âm lịch với tổng số tiền 154.000.000đ *(Một trăm năm mươi bốn triệu đồng)* là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó, việc xác nhận nợ trong Giấy mượn tiền ngày 28/02/2023 âm lịch và ngày 07/3/2023 âm lịch có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

Khi đến hạn, chị Trần Thị Th không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như

cam kết mặc dù chị Bùi Thị Cẩm T đã nhiều lần yêu cầu chị Th thu xếp trả nợ.

Chị Trần Thị Th vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về khoản nợ đối với yêu cầu khởi kiện của Bùi Thị Cẩm T, cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ được coi là từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của nguyên đơn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

Đối với số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc mà chị T yêu cầu trong đơn khởi kiện là 1.984.000đồng. Quá trình Tòa án giải quyết, chị Bùi Thị Cẩm T rút lại, không yêu cầu chị Th phải trả. Việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm T, buộc chị Trần Thị Th phải trả cho chị Bùi Thị Cẩm T số tiền 154.000.000đ *(Một trăm năm mươi bốn triệu đồng)*.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - chị Trần Thị Th phải chịu 7.700.000đồng *(Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Cẩm T số tiền án tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.899.000đ *(Ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 91, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòaán ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Xử:

[1] Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phát sinh là 1.984.000đ *(Một triệu chín trăm tám mươi tư ngàn đồng)* đã được nguyên đơn- chị Bùi Thị Cẩm T rút yêu cầu.

[2] Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm T.

Buộc chị Trần Thị Th phải trả cho chị Bùi Thị Cẩm T số tiền 154.000.000đ *(Một trăm năm mươi bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị Bùi Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Trần Thị Th không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 7.700.000đ *(Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Cẩm T số tiền án tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.899.000đ *(Ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002901 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS h. Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án./

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Phượng